**2.2. Bootstrap CSS**

2.2.1 Trình bày

a, Headings

* Display headings: Text

  Description automatically generated
* Trong Bootstrap 4, phần tử HTML <small> được sử dụng để tạo văn bản phụ, nhẹ hơn trong bất kỳ tiêu đề nào:

Text

Description automatically generated

* Trong Bootstrap 4 , phần tử HTML <mark> sẽ tạo kiểu cho văn bản với màu nền vàng và một số phần đệm:

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

* Trong Bootstrap 4 phần tử HTML <abbr> sẽ tạo kiểu cho văn bản với đáy có đường viền chấm và hiện thị title khi chúng ta trỏ vào văn bản đó:
* Thêm class .blockquote vào phần tử khi trích dẫn các khối nội dung từ một nguồn khác:

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

b, Lớp Lead

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

c, Lớp Emphasis

* <p class="muted">This content is muted</p>
* <p class="text-warning">This content carries a warning class</p>
* <p class="text-error">This content carries an error class</p>
* <p class="text-info">This content carries an info class</p>
* <p class="text-success">This content carries a success class</p>
* <p>This content has <em>emphasis</em>, and can be <strong>bold</strong></p>

d, Danh sách

* Danh sách không có thứ tự:Graphical user interface, text, application, email

  Description automatically generated
* Danh sách có thứ tự

Text

Description automatically generated

-Danh sách định nghĩa:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

2.2.2 Lớp Code

Graphical user interface, text, application, email

Description automatically generated

2.2.3 Lớp Tables

a, Các dạng bảng

* Striped table:

Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

* Bordered table
* Hover table:
* Condensed table:

b, Phân biệt hàng

Các lớp được hiển thị trong bảng sẽ cho phép bạn thay đổi màu nền của

hàng

2.2.3 Lớp Form

a, Các dạng form(Optional Form Layouts):

* Search form:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

* Inline form:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

- Horizontal form:

<form class="form-horizontal">

    <div class="control-group">

    <label class="control-label" for="inputEmail">Email</label>

    <div class="controls">

    <input type="text" id="inputEmail" placeholder="Email">

    </div>

    </div>

    <div class="control-group">

    <label class="control-label" for="inputPassword">Password</label>

    <div class="controls">

    <input type="password" id="inputPassword" placeholder="Password">

    </div>

    </div>

    <div class="control-group">

    <div class="controls">

    <label class="checkbox">

    <input type="checkbox"> Remember me

    </label>

    <button type="submit" class="btn">Sign in</button>

    </div>

    </div>

   </form>

b, Điều khiển (Supported Form Controls):

* Inputs: Ví dụ input theo kiểu text:

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

* Textarea

Graphical user interface, text, rectangle

Description automatically generated with medium confidence

* Checkboxes and radio buttons: Graphical user interface, text, application, email

  Description automatically generated

Nếu bạn muốn nhiều hộp kiểm cùng xuất hiện trên cùng một dòng, hãy thêm lớp .inline vào một loạt hộp kiểm hoặc nút radio.

A picture containing text

Description automatically generated

* Selects:
* <select>
* <option>1</option>
* <option>2</option>
* <option>3</option>
* <option>4</option>
* <option>5</option>
* </select>
* <select multiple="multiple">
* <option>1</option>
* <option>2</option>
* <option>3</option>
* <option>4</option>
* <option>5</option>
* </select>

A picture containing graphical user interface

Description automatically generated

c, Một số điều khiển input mở rộng (Extended Form Controls)

* Prepended and appended inputs

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Nếu bạn kết hợp cả hai, bạn chỉ cần thêm cả .input-prepend và các lớp .input-append cho <div> cha

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

Thay vì sử dụng <span>, bạn có thể sử dụng <button> với một lớp .btn để đính kèm một hoặc hai nút cho đầu vào

Graphical user interface, text, application, chat or text message

Description automatically generated

Nếu bạn đang thêm một nút vào search form, bạn sẽ nhận được hình tròn đẹp mắt tương tự

góc mà bạn mong đợi

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated

d, Điều chỉnh kích thước các điều khiển trên form (Form Control Sizing)

Text

Description automatically generated with low confidence

* Relative input controlsText

  Description automatically generated
* Grid sizingGraphical user interface, text

  Description automatically generated

Nếu bạn muốn sử dụng nhiều đầu vào trên một dòng, chỉ cần sử dụng lớp .controls-row

để áp dụng khoảng cách thích hợp . Nó float các đầu vào để thu gọn khoảng trắng; đặt lề chính xác; và, giống như lớp .row, xóa float

<div class="controls">

    <input class="span5" type="text" placeholder=".span5">

   </div>

   <div class="controls controls-row">

    <input class="span4" type="text" placeholder=".span4">

    <input class="span1" type="text" placeholder=".span1">

</div>

Text

Description automatically generated with low confidence

e, Các trạng thái điều khiển (Form Control States)

* Input focus

<!DOCTYPE html>

<html>

<head>

    <link rel="stylesheet" href="https://cdn.jsdelivr.net/npm/bootstrap@4.6.2/dist/css/bootstrap.min.css">

    <style type="text/css">

        input {

 -webkit-box-shadow: inset 0 1px 1px rgba(0, 0, 0, 0.075);

 -webkit-transition: box-shadow linear 0.2s;

}

input:focus {

 -webkit-box-shadow: inset 0 1px 1px rgba(15, 238, 30, 0.075), 0 0 20px

 rgba(120, 13, 250, 0.6);

}

    </style>

</head>

<body>

<input class="input-xlarge" id="focusedInput" type="text"

value="This is focused...">

<input class="input-xlarge" id="focusedInput" type="text"

value="This is focused...">

</body>

</html>

* Disabled input: Graphical user interface, text, application

  Description automatically generated
* Validation states :
* <div class="control-group warning">
* <label class="control-label" for="inputWarning">Input with warning</label>
* <div class="controls">
* <input type="text" id="inputWarning">
* <span class="help-inline">Something may have gone wrong</span>
* </div>
* </div>
* <div class="control-group error">
* <label class="control-label" for="inputError">Input with error</label>
* <div class="controls">
* <input type="text" id="inputError">
* <span class="help-inline">Please correct the error</span>
* </div>
* </div>
* <div class="control-group success">
* <label class="control-label" for="inputSuccess">Input with success</label>
* <div class="controls">
* <input type="text" id="inputSuccess">
* <span class="help-inline">Woohoo!</span>
* </div>
* </div>

2.2.5 Nút (Buttons)

a, Kích thước (Button Sizes)

Graphical user interface, text

Description automatically generated

b, Nút dạng chưa kích hoạt (Disabled Button Styling)

Đối với các thẻ, chỉ cần thêm lớp .disabled vào thẻ và liên kết sẽ mờ dần về màu sắc và mất độ dốc

    <a href="#" class="btn btn-large btn-primary disabled">Primary link</a>

    <a href="#" class="btn btn-large disabled">Link</a>

Shape, rectangle

Description automatically generated with medium confidence

Đối với một nút, chỉ cần thêm thuộc tính disabled .

Text

Description automatically generated

2.2.6 Ảnh (Images)

Có 3 dạng :

Graphical user interface, application

Description automatically generated

Căn chỉnh hình ảnh:

Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

Căn giữa ảnh

Graphical user interface, application, Word

Description automatically generated

-Image responsive:

Ví dụ:

    <img class="img-fluid" src="img\_chania.jpg" alt="Chania" width="460" height="345">

2.2.7 Biểu tượng Icons

Để sử dụng các biểu tượng Font Awesome, hãy thêm phần sau vào trang HTML của bạn (Không cần tải xuống hoặc cài đặt):

<link rel="stylesheet" href="https://use.fontawesome.com/releases/v5.7.0/css/all.css" integrity="sha384-lZN37f5QGtY3VHgisS14W3ExzMWZxybE1SJSEsQp9S+oqd12jhcu+A56Ebc1zFSJ" crossorigin="anonymous">

Sau đó, thêm tên của lớp biểu tượng vào bất kỳ phần tử HTML nội tuyến nào (như <i>hoặc <span>):

Graphical user interface, text, application

Description automatically generated